

Bản án số: 10/2022/HS-PT
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thanh Hùng

Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thục Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2022/TLPT-HS ngày 27 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo A. Do có kháng của bị cáo, kháng cáo của bị hại và kháng nghị của Viện kiểm sát đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2021/HS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Bị cáo bị kháng nghị và có kháng cáo: A, sinh năm 1979; Nơi sinh: O, Bạc Liêu; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Cha là (đã chết) và mẹ là E, sinh năm 1945; Có chồng tên Nguyễn Văn Kha, sinh năm 1973 (ly hôn năm 2020) và có 02 người con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Bị hại có kháng cáo:

1. B, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu vực 6, phường 3, thành phố P, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. C, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp MI, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Ngoài ra, còn có 33 bị hại và 32 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình điều tra đã xác định được bị cáo A làm chủ hội để hưởng hoa hồng từ năm 2006 đến tháng 5 năm 2018 âm lịch thì tuyên bố bế hội. Trong đó từ năm 2015 đến tháng 5 năm 2018, bị cáo làm chủ 07 dây hội gồm hội nửa tháng, hội tháng và hội mùa, bị cáo đã tự mạo danh hội viên để hốt hội của các hội viên ở 06 dây hội, chiếm đoạt với tổng số tiền là 382.616.000 đồng, cụ thể từng dây hội như sau:

Dây hội thứ 1: Hội tháng loại 1.000.000đ khai ngày 25/02/2016 âm lịch (nhằm ngày 02/4/2016 dương lịch). Dây hội gồm có 21 người tham gia chơi 26 chân, đã khai được 24 kỳ, trong đó bị cáo tham gia 03 chân đã hốt, hội viên hốt 17 chân và bị cáo đã mạo danh hội viên hốt 02 chân của hội viên F (F) 01 chân; G (G) 01 chân, còn 02 chân chưa khai: K (Trang) 01 chân; I (ché Cúc) 01 chân và xác minh chưa làm việc được 02 chân. Số tiền đóng hội sống và nợ hội của từng người, cụ thể:

F (F), K (Trang), G, I mỗi người 01 chân hội sống đóng 24 lần với số tiền là 14.540.000đ/người. Tổng số tiền là 58.160.000đ.

F (Dì 5 Hoài), A1 (Chị 2 Chép), B1, C1 (Gì 3 Tươi), D1, E1 (Chị Hà), F1 (Chị 4 Toàn), G1, K1 (Nguyễn), I1 (Gì 6 Hăng), I, A2, B2 mỗi người 01 chân hội chết với số tiền 2.000.000đ/người; C2 (Chị 3 Hiếu) 02 chân hội chết với số tiền 4.000.000đ. Tổng số tiền là 30.000.000đ.

Ngoài ra, bị cáo còn khai nhận đối với chân hội tên “Tiếp” do D2 chơi đã hốt hội xong nhưng A nói với E2 là mẹ chồng D2 là chân hội còn sống và tiếp tục gom tiền hội của E2 từ kỳ thứ 05 đến kỳ 24. Do E2 không liên lạc được D2 nên tin tưởng lời A nói nên tiếp tục đóng tiền hội cho bị cáo số tiền là 12.116.000đ.

Sau khi đối trừ hội sống, hội chết và số tiền đóng hội của bà E2 thì bị cáo chiếm đoạt số tiền 40.276.000đ.

Dây hội thứ 2: Hội tháng loại 2.000.000đ khai ngày 04/8/2016 âm lịch (nhằm ngày 04/9/2016 dương lịch). Dây hội gồm có 19 người tham gia 24 chân, đã khai được 19 lần, trong đó bị cáo tham gia 02 chân đã hốt, hội viên đã hốt 09 chân và bị cáo mạo danh 04 hội viên để hốt 05 chân gồm: E2 (Má Ní) 01 chân; B (Tuyền) 01 chân; C 02 chân tên 2 Kỳ và Chân; F2 (Chị 3 Dễ) 01 chân; còn 05 chân hội chưa khai gồm: G2 (Nhòng) 01 chân; K2 (Tuấn) 01 chân; K (Trang) 01 chân; A3 (Gì 3 Nhị) 01 chân; I (ché Cúc) 01 chân và xác minh chưa làm việc được 03 chân. Số tiền đóng hội sống và nợ hội của từng người, cụ thể:

G2 (Nhòng), K2 (Tuấn), K (Trang), E2 (Má Ní), A3 (Gì 3 Nhị), I, B (Tuyền), F2 (chị 3 Dễ) mỗi người 01 chân hội sống đóng 19 lần với số tiền là 21.400.000đ/người; C 02 chân hội sống tên 2 Kỳ và Chân đóng 19 lần với số tiền là 42.800.000đ. Tổng số tiền là 214.000.000đ.

B3; B1; E2 (Má Ní); C3 (Mơ); A1 (Chế 2 Chép); D3; E3; C2 (3 Hiếu); F2 (chị 3 Dề) mỗi người 01 chân hụi chết với số tiền 10.000.000đ/người. Tổng số tiền là 90.000.000đ.

Sau khi đối trừ hụi sống, hụi chết thì bị cáo chiếm đoạt 124.000.000đ.

Dây hụi thứ 3: Hụi tháng loại 1.000.000đ khai ngày 10/5/2016 âm lịch (nhằm ngày 14/6/2016 dương lịch). Dây hụi gồm có 19 người tham gia 29 chân, đã khai được 22 lần, trong đó bị cáo tham gia 02 chân đã hốt, hụi viên đã hốt 16 chân và bị cáo mạo danh hụi viên để hốt 03 chân gồm: A1 (chị 2 Chép) 01 chân; F3 (Huệ) 01 chân; G3 (Lam) 01 chân; còn 07 chân hụi chưa khai gồm: K3 (Chế Thắm) 02 chân; I3 (mợ 2) 01 chân; A4 (Hiền) 01 chân; B4 (Thê) 01 chân; C4 (Ngân) 01 chân; G3 (Lam) 01 chân và xác minh chưa làm việc được 01 chân. Số tiền đóng hụi sống và nợ hụi của từng người, cụ thể:

A1 (Chị 2 Chép); F3 (Huệ); I3 (mợ 2); A4 (Hiền), B4 (Thê); C4 (Ngân), mỗi người 01 chân hụi sống đóng 22 lần với số tiền là 12.610.000đ/người; K3 (Chế Thắm) và G3, mỗi người 02 chân hụi sống đóng 22 lần với số tiền là 25.220.000đ/người. Tổng số tiền là 126.100.000đ.

Hồ Thanh Thúy (4 Tùng); C2 (3 Hiếu), D4 và G3 mỗi người 02 chân hụi chết với số tiền là 7.000.000đ/người; K4 (Út Hậu); E4; F4 (Chị Tròn); E3; B4; G4 (Duy) mỗi người 01 chân hụi chết với số tiền là 7.000.000đ/người. Tổng số tiền là 98.000.000đ.

Sau khi đối trừ hụi sống, hụi chết thì bị cáo chiếm đoạt 28.100.000đ.

Dây hụi thứ 4: Hụi tháng loại 1.000.000đ khai ngày 15/4/2017 âm lịch (nhằm ngày 10/5/2017 dương lịch). Dây hụi gồm có 20 người tham gia chơi 30 chân, đã khai được 11 lần, trong đó bị cáo tham gia 02 chân đã hốt, hụi viên đã hốt 03 chân và bị cáo mạo danh hụi viên để hốt 06 chân gồm: I4 (Nhanh) 01 chân; A5 (3 Lùn) 01 chân; K1 (Nguyên) 01 chân; B5 (Chị 3 Dề) 01 chân; C5 (Sương) 01 chân; D5 (Ni) 01 chân. Còn 19 chân hụi chưa khai gồm: E2 (Tuyền) 01 chân; I4 (Nhanh) 04 chân; I3 (mợ 2) 01 chân; E5 (Nghị) 01 chân; F5 (Dì 9) 01 chân; Huỳnh Thanh G 03 chân (G 02 chân; Hương 01 chân); G5 (vợ Luân) 02 chân; B5 (Thúy) 01 chân; F3 (Huệ) 01 chân; I (chế Cúc) 01 chân; K5 (chế Huệ) 01 chân; I5 (Keo) 01 chân; G (G) 01 chân. Số tiền đóng hụi sống và nợ hụi của từng người, cụ thể:

E2 (Tuyền), A5 (3 Lùn), I3 (mợ 2), E5 (Nghị), K1 (Nguyên), F3 (Huệ), C5 (Sương), I, I5, D5 (Ni) mỗi người 01 chân hụi sống đóng 11 lần với số tiền 7.140.000đ/người; Huỳnh Thanh G 03 chân tên hụi sống đóng 11 lần với số tiền là 21.420.000 đồng; I4 05 chân hụi sống đóng 10 lần với số tiền là 32.450.000đ; F5 (Dì 9), K5, G mỗi người 01 chân hụi sống đóng 10 lần với số tiền là 6.490.000đ/người; G5 (vợ Luân), B5 (chị 3 Dề; Thúy) mỗi người 02 chân đóng tiền hụi sống 10 lần với số tiền là 12.980.000đ/người. Tổng số tiền là 170.700.000đ.

Lê Kim Thoa (Căn), F2 (Chị 3 Dề), C5 mỗi người 01 chân hụi chết với số tiền 19.000.000đ/người. Tổng số tiền là 57.000.000đ.

Sau khi đối trừ hụi sống, hụi chết bị cáo chiếm đoạt 113.700.000 đồng.

Dây hụi thứ 5: Hụi nũa tháng loại 500.000 khui 10/3/2017 âm lịch (nhằm ngày 06/4/2017 dương lịch), đã khui được 22 kỳ, dây hụi này được chia làm 02 dây (dây 1 và dây 2), mỗi dây có 25 chân, cụ thể:

Dây 1: Hụi gồm có 21 người tham gia chơi 25 chân, đã khui 22 lần, trong đó bị cáo tham gia 01 chân đã hốt, hụi viên đã hốt 18 chân và bị cáo đã mạo danh 02 hụi viên hốt 03 chân hụi gồm: A6 02 chân tên “ Qưới, Nhẳm” và K5 (Anh Long) 01 chân; còn 03 chân hụi chưa khui gồm: I (chị Cúc) 01 chân; B6 (chế Thanh) 01 chân và C6 (Nhi) 01 chân. Số tiền đóng hụi sống và nợ hụi của từng người, cụ thể:

I, B6 (chế Thanh), K5 (Anh Long), C6 mỗi người 01 chân hụi sống đóng 22 lần với số tiền là 8.360.000 đồng; A6 (Qưới, Nhẳm) 02 chân hụi sống đóng 22 lần với số tiền là 16.720.000đ. Tổng số tiền là 50.160.000đ.

I4 04 chân hụi chết với số tiền là 6.000.000đ; B2, D6, E3, K1 (Nguyên), E6, F6 (mợ 2 Hết), G6 (Tài), I5, K6, I6 mỗi người 01 chân hụi chết với số tiền 1.500.000đ/người. Tổng số tiền là 21.000.000đ.

Sau khi đối trừ hụi sống, hụi chết bị cáo chiếm đoạt 29.160.000 đồng.

Dây 2: Hụi gồm có 21 người tham gia chơi 25 chân, đã khui 22 lần, trong đó bị cáo tham gia 02 chân đã hốt, hụi viên đã hốt 15 chân và bị cáo mạo danh 04 hụi viên hốt 05 chân hụi gồm: K1 (Nguyên) 01 chân; A6 (Qưới) 02 chân; K5 (Anh Long) 01 chân; B (Thuyền) 01 chân, còn 03 chân hụi chưa khui gồm: I (chị Cúc) 01 chân; K6 (Đằng) 01 chân; F (Dì 5) 01 chân. Số tiền đóng hụi sống và nợ hụi của từng người, cụ thể:

I, K1 (Nguyên), K5 (Anh Long), K6, F (Dì 5), B mỗi người 01 chân hụi sống đóng 22 lần với số tiền là 8.360.000đ; A6 (Qưới) 02 chân hụi sống đóng 22 lần với số tiền là 16.720.000đ. Tổng số tiền là 66.880.000đ.

I4 03 chân hụi chết với số tiền là 4.500.000 đồng; A7, F4 (Chị Tròn), B7 (Đô), E3, E4, C7 (Hoàng Anh), D7, E7, C6 mỗi người 01 chân hụi chết với số tiền là 1.500.000đ/người. Tổng số tiền là 19.500.000đ.

Sau khi đối trừ hụi sống, hụi chết bị cáo chiếm đoạt 47.380.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại trong các dây hụi nêu trên là 382.616.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2021/HS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”
2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo A 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm dân sự, về án phí, về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số 19/2021/HS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm đối với án phí dân sự có giá ngạch, buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật (Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-P7 ngày 22/12/2021).

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Ngày 17/12/2021, bị cáo A kháng cáo yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 04/01/2022, bị hại C kháng cáo xin cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 04/01/2022, bị hại B kháng cáo xin cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo, các bị hại còn trong thời hạn luật định nên cấp phúc thẩm chấp nhận và đưa ra xét xử là hợp lệ.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo mức án 05 (năm) năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo nên không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo; Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo hưởng án treo của bị hại B và bị hại C; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát về việc không có căn cứ giảm án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo; Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 19/2021/HS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu về án phí dân sự có giá ngạch đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo, các bị hại đúng về thể thức và thời hạn nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai của bị cáo A tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ

thẩm và phù hợp lời khai của những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nên đủ căn cứ để xác định: Từ năm 2006 đến năm 2018, A làm chủ hội nhiều dây hội, hội có lãi và có tiền hoa hồng (hay gọi là tiền cò), những năm đầu việc hốt hội và đóng hội đúng như thỏa thuận. Đến năm 2015, có nhiều hội viên hốt hội nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng hội chết và Vân có nhu cầu sử dụng tiền phục vụ cá nhân dẫn đến mất cân đối nên Vân đã lợi dụng sự tin tưởng của các hội viên, giả mạo tên hội viên để hốt hội, rồi chiếm đoạt tiền của các hội viên. Cụ thể, từ năm 2015 đến tháng 5 năm 2018, Vân làm chủ 07 dây hội gồm hội nửa tháng, hội tháng và hội mùa (3 tháng), Vân chiếm đoạt tiền của các hội viên trong 06 dây hội tổng cộng số tiền là 382.616.000 đồng.

[3] Hành vi gian dối của bị cáo A đưa ra thông tin không đúng sự thật nhằm hốt hội sống của hội viên, chiếm đoạt tiền của hội viên có đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, do bị cáo A chiếm đoạt tổng số tiền là 382.616.000 đồng nên phạm vào tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự (chiếm đoạt tiền từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng). Vì vậy, việc truy tố, xét xử đối với bị cáo A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương nên cần xét xử F. Cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định của pháp luật tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo khắc phục hơn $\frac{1}{2}$ số tiền chiếm đoạt, nhiều bị hại xin giảm án cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, tuy bị cáo có cung cấp 02 Đơn xin bãi nại của 02 bị hại E2 và Huỳnh Thanh G nhưng đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, ngoài ra, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào khác mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo, do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[5] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, phạm tội với khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù, số tiền chiếm đoạt lên đến 382.616.000 đồng nên để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

[6] Xét kháng cáo của bị hại B xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo: Bà B chỉ nêu lý do vì bị cáo A bị bệnh tim phải điều trị hàng tháng, bị cáo không bỏ trốn, đây không phải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự; còn việc bị cáo đã khắc phục hậu quả và ăn năn hối cải đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem

xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại B.

[7] Xét kháng cáo của bị hại C: Như đã nhận định, các lý do bị cáo A đã hối hận về hành vi phạm tội, đã khắc phục hậu quả đã được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đối với việc bà C cho rằng bà tự nguyện cho bị cáo mượn hụi là không có căn cứ, bởi lẽ, tại Biên bản ghi lời khai của bà C vào ngày 06/12/2019 (Bút lục 294-295) bà C đã khẳng định không sang bán, không thỏa thuận cho ai mượn các chân hụi. Lời khai của bà C phù hợp các lời khai của chính bị cáo A trong giai đoạn điều tra đã khai nhận bị cáo A mạo danh của các hụi viên (trong đó có bị hại C) để hốt hụi và chiếm đoạt tiền. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại C.

[8] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm đối với án phí dân sự có giá ngạch buộc bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật: Xét thấy, căn cứ Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định các trường hợp được giảm án phí chỉ khi người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp án phí có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú. Do đó, tuy bị cáo A có đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, đơn có xác nhận của chính quyền địa phương nhưng cấp sơ thẩm căn cứ vào đơn của bị cáo A để giảm 50% án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo A là không đúng quy định. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát sửa án sơ thẩm về án phí dân sự có giá ngạch đối với bị cáo A, buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền bị cáo có trách nhiệm phải bồi thường cho bị hại theo đúng quy định pháp luật.

[9] Như đã phân tích, có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Bạc Liêu, bác toàn bộ kháng cáo của bị cáo A, bác kháng cáo của bị hại B và bị hại C, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện O, sửa án sơ thẩm về án phí dân sự có giá ngạch đối với bị cáo A.

[10] Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 21; điểm c khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do bị cáo A chiếm đoạt tổng số tiền 382.616.000 đồng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo tự nguyện thỏa thuận và bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là 428.586.000 đồng, bị cáo đã khắc phục hậu quả tổng số tiền là 227.686.000 đồng nên bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 200.900.000 đồng. Do đó, buộc bị cáo A phải nộp 10.045.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch. Do bị cáo A kháng cáo nhưng không được cấp phúc thẩm chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[11] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, về án phí hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu; Sửa một phần về án phí dân sự có giá ngạch đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2021/HS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo A; Không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt và xin cho bị cáo hưởng án treo của bị hại B và bị hại C.

1. Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo A 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 3 Điều 21; điểm c khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1. Về án phí dân sự có giá ngạch: Buộc bị cáo A phải nộp 10.045.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

3.2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Buộc bị cáo A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng.

4. Các phần Quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, về án phí hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND huyện O (02 bản);
- VKSND huyện O (01 bản)
- CQĐT huyện O (01 bản);
- Chi cục THA huyện O (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Bị hại;
- Lưu: HS, THS, THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt